

Bản án số: 28/2018/HS-ST
Ngày 24 - 4 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Khúc Trọng Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lý

Ông Hoàng Đắc Hân

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Quyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đồng Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2018/TLST-HS ngày 30 tháng 03 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2018/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 04 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Bùi Văn B, sinh ngày 11/3/1998, tại Hải Phòng; Nơi đăng ký thường trú: Thôn A, xã A huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn X và bà Trịnh Thị L; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/1/2018 đến ngày 08/1/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

2. Trần Xuân T, sinh ngày 07/8/1997, tại Hải Phòng; Nơi đăng ký thường trú: Thôn Ah, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Xuân H và bà Phùng Thị H; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/1/2018 đến ngày 08/1/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

3. Bùi Văn H, sinh ngày 21/1/1996, tại Hải Phòng; Nơi đăng ký thường trú: Thôn 7, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ

văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn S và bà Nguyễn Thị H; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/1/2018 đến ngày 08/1/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

4. Bùi Duy K, sinh ngày 14/5/1997, tại Hải Phòng; Nơi đăng ký thường trú: Thôn B, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn H và bà Phạm Thị V; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/1/2018 đến ngày 08/1/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

5. Trần Văn D, sinh ngày 30/8/1996, tại Hải Phòng; Nơi đăng ký thường trú: Thôn A, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn K và bà Phạm Thị X; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/1/2018 đến ngày 08/1/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13h30' ngày 01/1/2018 Bùi Văn B, Trần Xuân T, Bùi Văn H, Trần Văn D, Bùi Duy K đến chơi cá nhà ông Bùi Văn X chơi. Lúc này ông X không có mặt ở chơi cá. Tại đây, B, T, H, D, K rủ nhau đánh “liêng” được thua bằng tiền, cả nhóm đồng ý và sử dụng bộ bài lơ khơ có sẵn tại chơi để chơi. Hình thức chơi là và tỷ lệ ăn thua được quy định như sau: Mỗi người chơi tham gia châu cửa 5.000 đồng, ai muốn “tố” thêm thì “tố” nhưng mỗi người “tố” không quá 200.000 đồng; thứ tự ưu tiên thắng cuộc là “sáp” (tức bài có ba cây giống nhau theo số thứ tự của bài), “liêng” (tức bài có ba cây theo số thứ tự của bài). “ảnh” (bài có ba cây hình người không thuộc trường hợp “sáp” hoặc “liêng”), “điểm” (nếu bài không có một trong các trường hợp trên thì tính điểm, 9 điểm là cao nhất).

B mang theo 6.000.000 đồng và sử dụng hết để chơi “liêng”, ban đầu B bỏ ra 1.000.000 đồng để chơi. H mang theo 4.200.000 đồng, sử dụng 2.000.000 đồng để chơi. T mang theo 3.000.000 đồng và sử dụng hết để chơi “liêng”. K mang theo 1.500.000 đồng và sử dụng hết để chơi liêng, D mang theo 1.700.000 đồng và sử dụng 1.000.000 đồng để chơi. B, H, T, K, D chơi được nhiều ván, B thắng được 900.000 đồng, H thắng được 200.000 đồng, T bị thua 1.500.000 đồng, K thắng được 400.000 đồng, D không thắng, không thua. Khi cả nhóm đang chơi thì bị Công an huyện Thủy Nguyên bắt quả tang và thu giữ vật chứng.

Cáo trạng số 39/CT-VKS ngày 29 tháng 03 năm 2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên đã truy tố các bị cáo Bùi Văn B, Trần Xuân T, Bùi Văn

H, Trần Văn D, Bùi Duy K phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Đối với Bùi Văn M, sinh năm 1996 ở xã An Lư, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng có mặt ở chòi cá. Cơ quan công an tạm giữ của Mạnh 01 chiếc xe mô tô BKS 15G1-371.39, chủ sở hữu là anh Bùi Văn T, sinh năm 1994 ở thôn Bắc, xã An Lư, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Tài liệu điều tra xác định M không chơi “liêng” mà chỉ ngồi xem lên cơ quan điều tra không xử lý và trả lại chiếc xe trên cho anh Tuất sử dụng.

Các đối tượng sử dụng chòi cá của ông Bùi Văn X làm nơi đánh bạc, ông X không biết và không có mặt khi các đối tượng đánh bạc tại chòi cá nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Đối với xe mô tô BKS 16M1- 6994 cơ quan Công an thu giữ của Bùi Văn H, quá trình điều tra xác định chủ sở hữu hợp pháp là ông Bùi Văn S, sinh năm 1967 ở Thôn 7, xã Tân Dương, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Ông H không biết việc H mượn xe để đi đánh bạc; xe mô tô BKS 16P1-7330 thu giữ của Trần Văn D, xác định chủ sở hữu hợp pháp là ông Bùi Ngọc H, sinh năm 1964, trú tại thôn A, xã A, huyện Thủy Nguyên, ông H không biết việc D mượn xe đi để đánh bạc nên Cơ quan điều tra đã trả lại hai chiếc xe trên cho ông S, ông H sử dụng.

- Ý kiến của Kiểm sát viên: Giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Bùi Văn B cùng đồng bọn phạm tội “Đánh bạc”.

+ Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo:

1. Bùi Văn B: 9 -12 tháng tù

+ Áp dụng dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo:

2. Trần Xuân T: 6- 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo

3. Bùi Văn H: 6- 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo

4. Bùi Duy K: 6- 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo

5. Trần Văn D: 6- 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo

Án định thời gian thử thách đối với các bị cáo T, H, K, D. Phạt tiền các bị cáo B, T, H từ 10-15 triệu đồng; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo K, D; xử lý vật chứng: Tịch thu sung quỹ số tiền bị cáo và các đối tượng liên quan dùng vào việc đánh bạc; tịch thu tiêu hủy số vật chứng không còn giá trị sử dụng; đối với số tiền bị cáo Huy, Dương không dùng vào việc đánh bạc thì trả lại cho các bị cáo tuy nhiên đề nghị tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành phần tiền phạt và án phí cho các bị cáo; các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của bị cáo: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và tội danh như Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên đã truy tố là đúng; bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thủy Nguyên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên truy tố đối với các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ được cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa đã có đủ cơ sở xác định: Các bị cáo Bùi Văn B, Trần Xuân T, Bùi Văn H, Trần Văn D, Bùi Duy K có hành vi chơi đánh “liêng” được thua bằng tiền với số tiền thu được trên chiếu bạc là 13.500.000 đồng. Như vậy hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Đánh bạc” quy định tại Điều 321 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt: Hành vi phạm tội của các bị cáo không vi phạm các tình tiết định khung hình phạt nên các bị cáo Bùi Văn B, Trần Xuân T, Bùi Văn H, Trần Văn D, Bùi Duy K chỉ bị truy tố xét xử theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự như đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên kết luận tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với từng bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không vi phạm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhân thân các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đó là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử đánh giá vai trò của từng bị cáo trong vụ án như sau: Trong vụ án này các bị cáo phạm tội có vai trò cơ bản ngang nhau, cùng rủ nhau và cùng tham gia đánh bạc. Bị cáo Bùi Văn B có vai trò có phần cao hơn so với các bị cáo khác do số tiền bị cáo mang theo dùng vào mục đích đánh bạc là lớn nhất nên bị cáo phải chịu mức hình phạt cao nhất so với đồng bọn. Tiếp theo là bị cáo Trần Xuân T, bị cáo mang theo số tiền dùng vào mục đích đánh bạc lớn thứ hai nên mức hình phạt của bị cáo thấp hơn bị cáo B nhưng cao hơn so với các bị cáo khác. Tiếp theo là các bị cáo H, K, D lần lượt mang theo số tiền dùng vào mục đích đánh bạc thấp hơn nên lần lượt có mức án thấp hơn và ngang nhau.

Xét nhân thân các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải và có địa chỉ cư trú rõ ràng nên có thể khoan hồng cho các bị cáo, áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo cải tạo ngoài xã hội cũng đủ tác dụng phòng ngừa chung và giáo dục đối với các bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét thấy các bị cáo không có tài sản riêng, hoàn cảnh kinh tế khó khăn và hành vi phạm tội của các bị cáo có mức độ nên hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp.

[6] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ số tiền 13.500.000 đồng là tiền các bị cáo Bùi Văn B, Trần Xuân T, Bùi Văn H, Trần Văn D, Bùi Duy K dùng vào việc đánh bạc cần tịch thu sung quỹ nhà nước. Số tiền 2.200.000 đồng thu giữ của bị cáo Bùi Văn H và 700.000 đồng thu giữ của bị cáo Trần Văn D là tiền các bị cáo H, D không dùng vào việc đánh bạc cần trả lại cho các bị cáo tuy nhiên cần tạm giữ để đảm bảo thi hành tiền án phí của bị cáo H, D. Các vật chứng gồm 01 bộ bài tú lơ khơ, 01 chiếc chăn bông hình hoa văn là dụng cụ, phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội và không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

- Tuyên bố các bị cáo Bùi Văn B, Trần Xuân T, Bùi Văn H, Trần Văn D, Bùi Duy K phạm tội “Đánh bạc”.

- Xử phạt các bị cáo:

1. Bùi Văn B: 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng tính từ ngày tuyên án.

2. Trần Xuân T: 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án.

3. Bùi Văn H: 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án.

4. Bùi Duy K: 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án.

5. Trần Văn D: 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao các bị cáo Bùi Văn B, Trần Xuân T, Bùi Duy K, Trần Văn D cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Bùi Văn H cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử:

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 13.500.000 đồng (Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng).

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 2.200.000 đồng của bị cáo Bùi Văn H và số tiền 700.000 đồng của bị cáo Trần Văn D để đảm bảo thi hành phần án phí hình sự sơ thẩm của các bị cáo H, D.

(Theo Biên lai thu tiền số 0007442 ngày 14/03/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng)

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài; 01 chăn bông hoa văn đã cũ.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 14/03/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng)

* Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội, các bị cáo Bùi Văn B, Trần Xuân T, Bùi Văn H, Trần Văn D, Bùi Duy K mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

* Về quyền kháng cáo bản án: Các bị cáo có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Công an huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Sở tư pháp thành phố Hải Phòng;
- UBND xã A,
- UBND xã T;
- Bị cáo;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Khúc Trọng Quang

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Thủy Nguyên, ngày 24 tháng 04 năm 2018

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 4 giờ 30 phút ngày 24 tháng 4 năm 2018;

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Khúc Trọng Quang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Đắc Hân

Bà Nguyễn Thị Lý

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 26/2018/TLST-HS ngày 30 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Bùi Văn B, sinh ngày 11/3/1998, tại Hải Phòng; Nơi đăng ký thường trú: Thôn An Tiến, xã An Lữ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Xệ và bà Trịnh Thị Lua; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/1/2018 đến ngày 08/1/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

2. Trần Xuân T, sinh ngày 07/8/1997, tại Hải Phòng; Nơi đăng ký thường trú: Thôn An Bình, xã An Lữ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Xuân Hạnh và bà Phùng Thị Hò; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/1/2018 đến ngày 08/1/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

3. Bùi Văn H, sinh ngày 21/1/1996, tại Hải Phòng; Nơi đăng ký thường trú: Thôn 7, xã Tân Dương, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Sỹ và bà Nguyễn Thị Hằng; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/1/2018 đến ngày 08/1/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

4. Bùi Duy K, sinh ngày 14/5/1997, tại Hải Phòng; Nơi đăng ký thường trú: Thôn Bắc, xã An Lữ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Hiểu và bà Phạm Thị Vinh; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/1/2018 đến ngày 08/1/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

5. Trần Văn D, sinh ngày 30/8/1996, tại Hải Phòng; Nơi đăng ký thường trú: Thôn An Hồ, xã An Lữ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam;

tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Khanh và bà Phạm Thị Xoa; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/1/2018 đến ngày 08/1/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ hoặc thuộc trường hợp phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung

Kết quả biểu quyết 3/3.

2. Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; do bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp là hợp pháp.

Kết quả biểu quyết 3/3.

3. Về căn cứ kết tội bị cáo: Tuyên bố các bị cáo Bùi Văn B, Trần Xuân T, Bùi Văn H, Trần Văn D, Bùi Duy K phạm tội “Đánh bạc”

Kết quả biểu quyết 3/3.

Về điều luật áp dụng: Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Kết quả biểu quyết 3/3.

4. Về mức hình phạt và dân sự:

1. Bùi Văn B: 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng tính từ ngày tuyên án.

2. Trần Xuân T: 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án.

3. Bùi Văn H: 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án.

4. Bùi Duy K: 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án.

5. Trần Văn D: 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao các bị cáo Bùi Văn B, Trần Xuân T, Bùi Duy K, Trần Văn D cho Ủy ban nhân dân xã An Lư, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Bùi Văn H cho Ủy ban nhân dân xã Tân Dương, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Kết quả biểu quyết 3/3.

5. Các bị cáo không thuộc trường hợp miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt.

Kết quả biểu quyết 3/3

6. Về án phí, xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử:

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 13.500.000 đồng (Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng).

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 2.200.000 đồng của bị cáo Bùi Văn H và số tiền 700.000 đồng của bị cáo Trần Văn D để đảm bảo thi hành phần án phí hình sự sơ thẩm của các bị cáo Huy, Dương.

(Theo Biên lai thu tiền số 0007442 ngày 14/03/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng)

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài; 01 chăn bông hoa văn đã cũ.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 14/03/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng)

* Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội, các bị cáo Bùi Văn B, Trần Xuân T, Bùi Văn H, Trần Văn D, Bùi Duy K mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

7. Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

8. Kiến nghị, phòng ngừa tội phạm, khắc phục vi phạm: Không

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Về quyền kháng cáo bản án: Các bị cáo có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết 3/3.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Đắc Hân – Nguyễn Thị Lý

Khúc Trọng Quang

